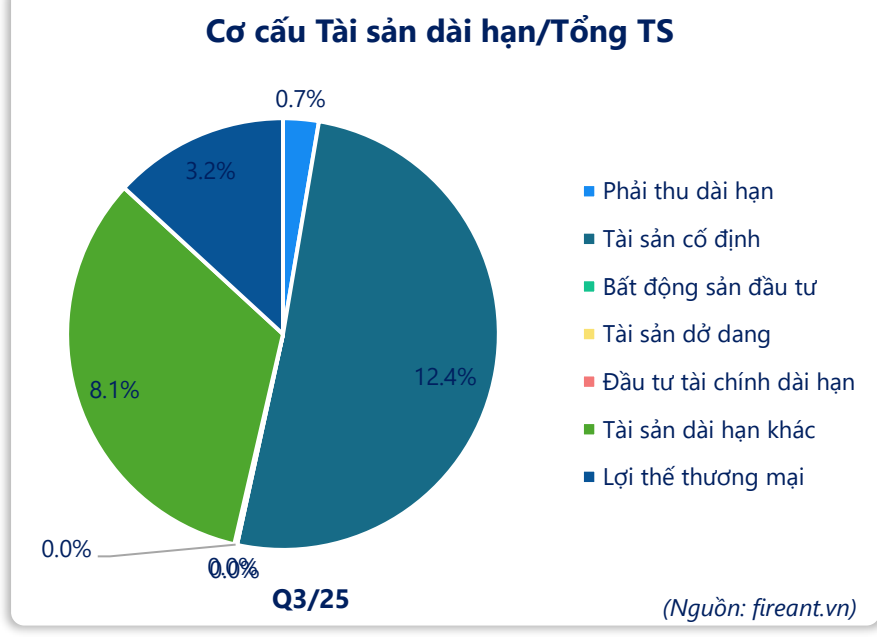
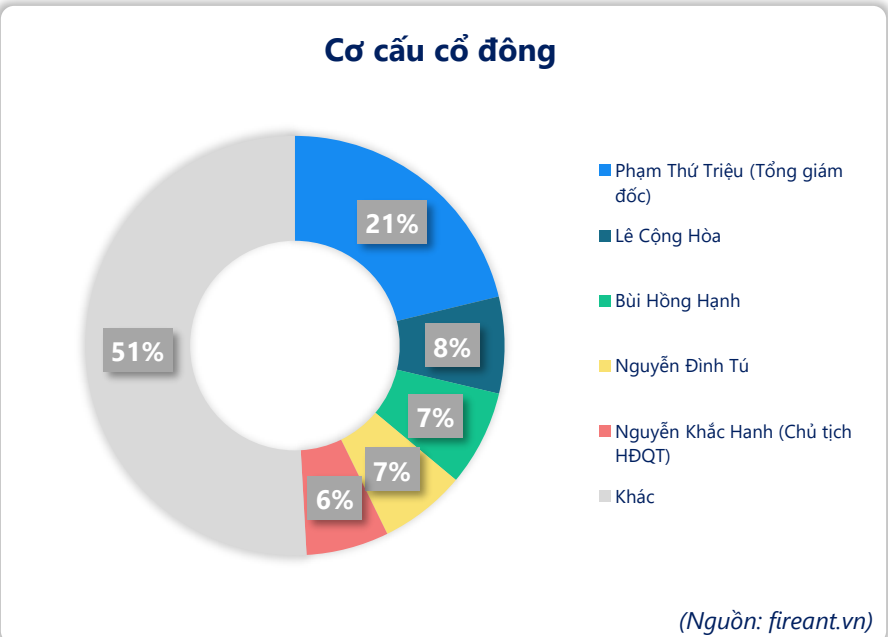
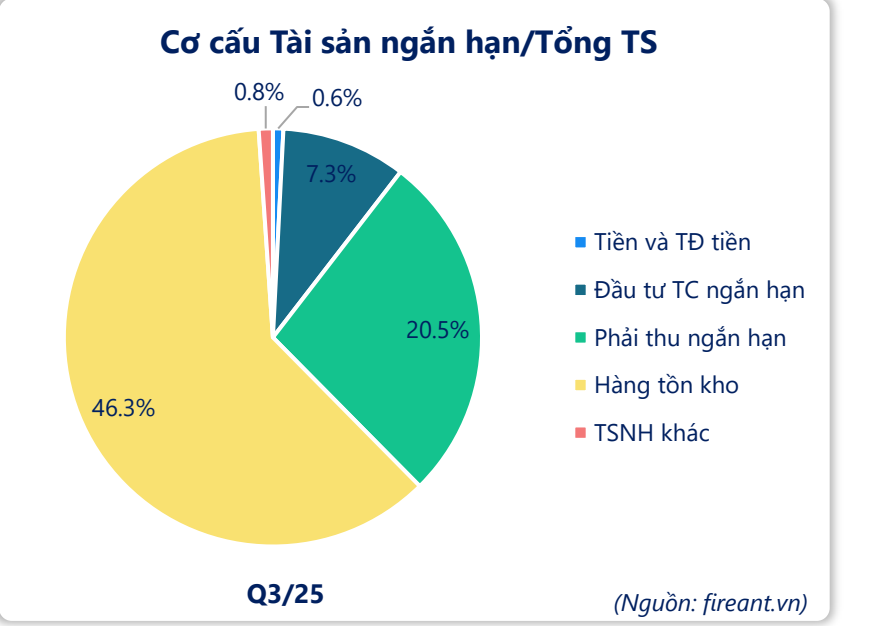
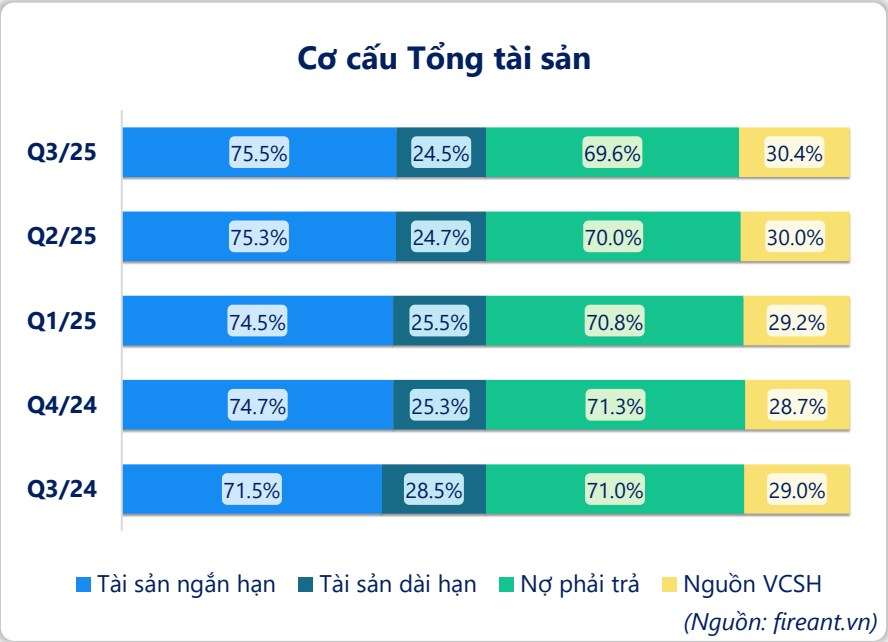
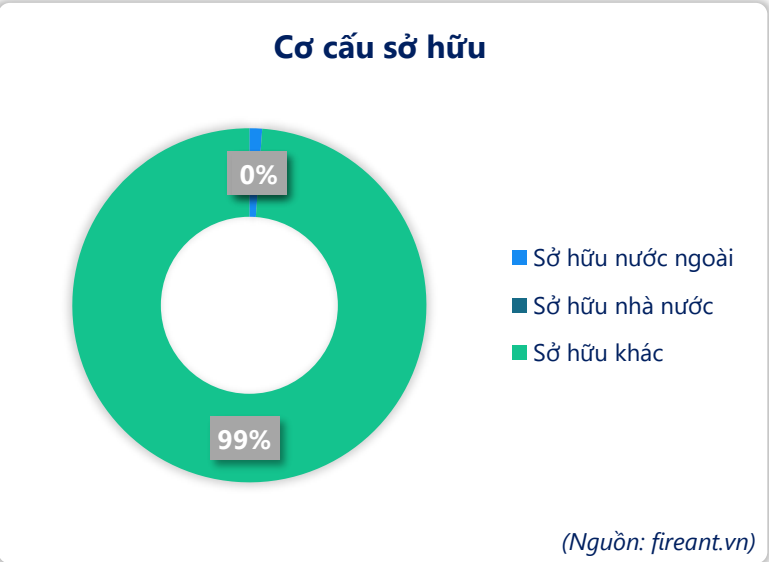
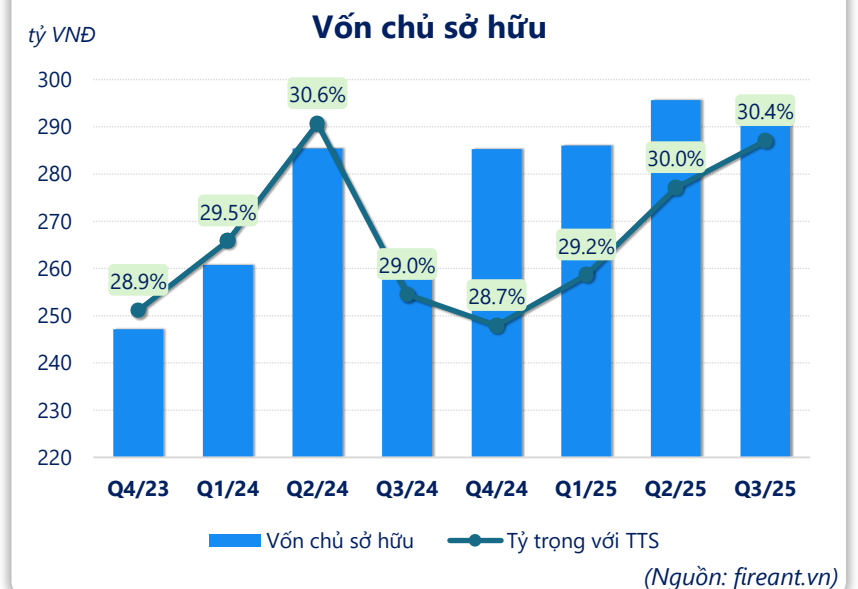
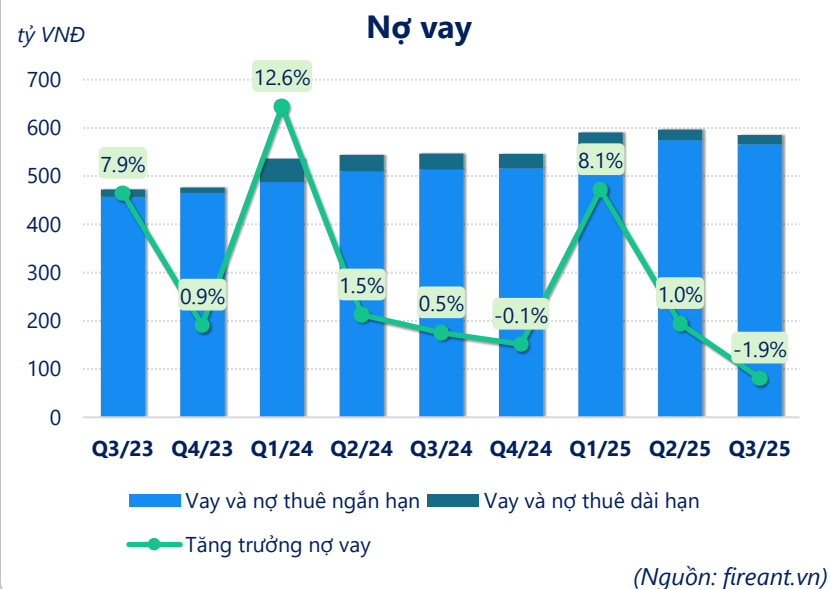
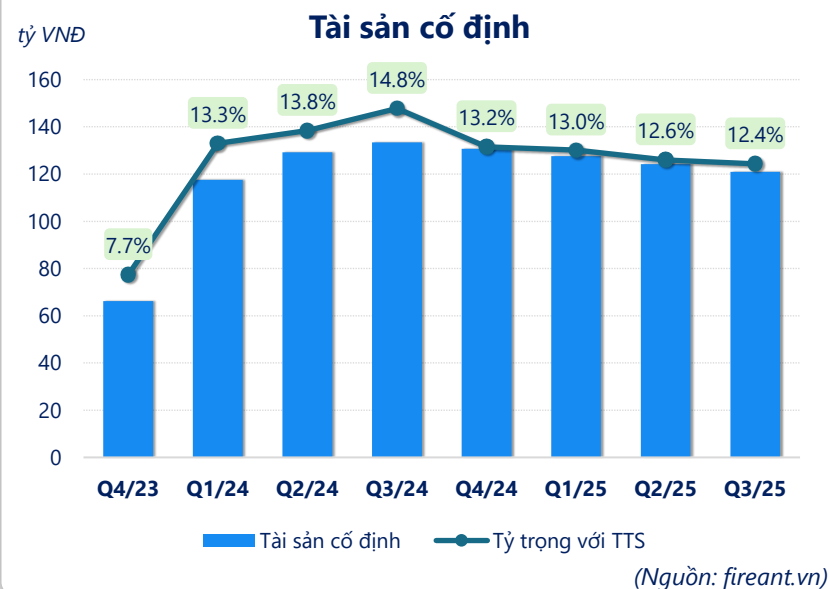
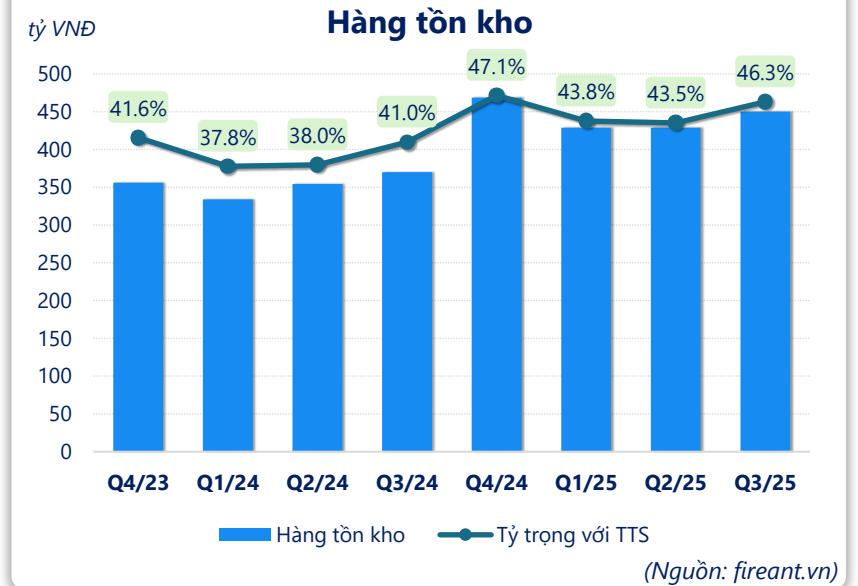
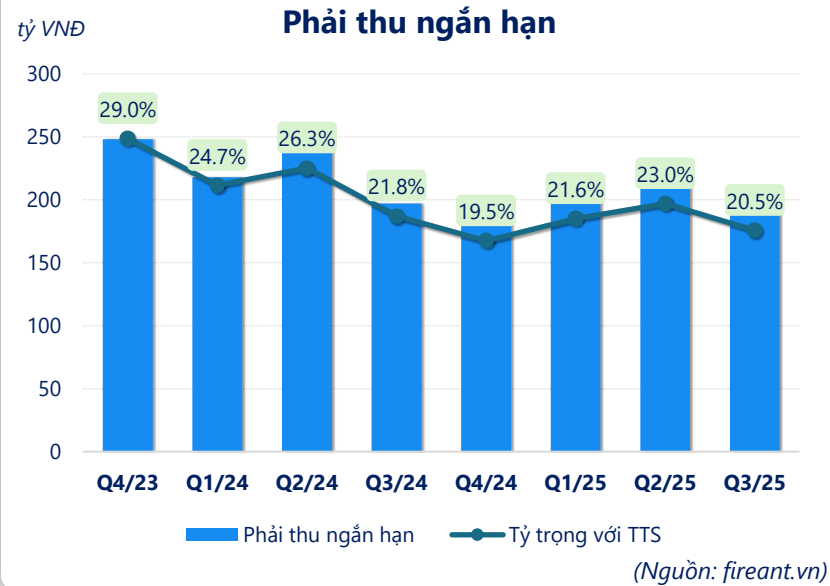
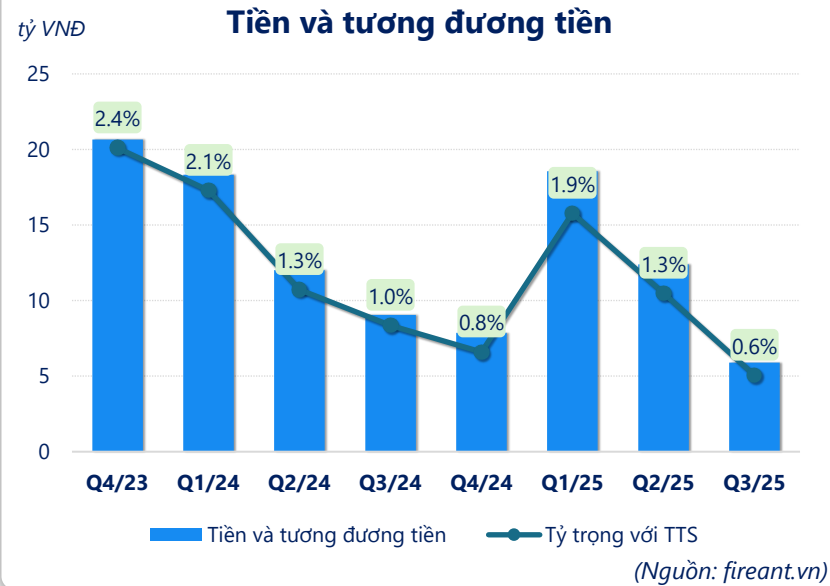
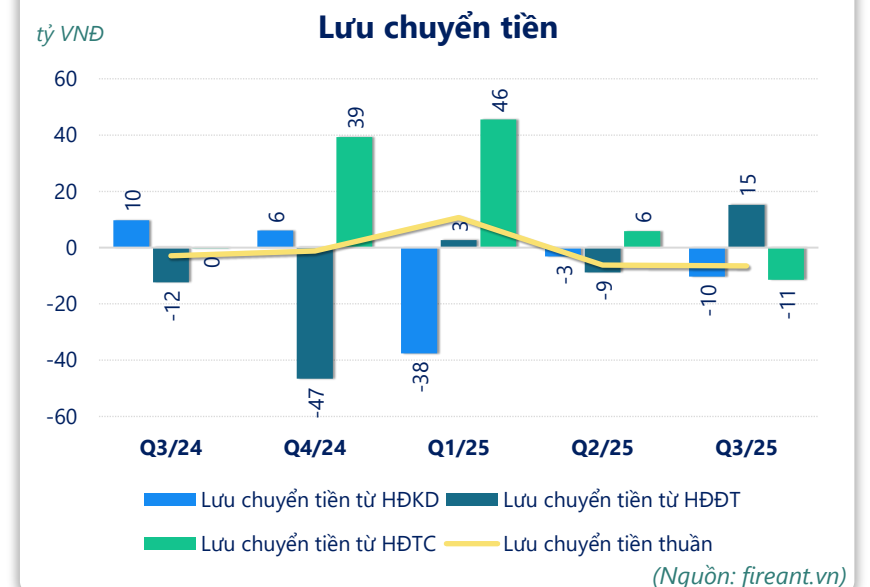
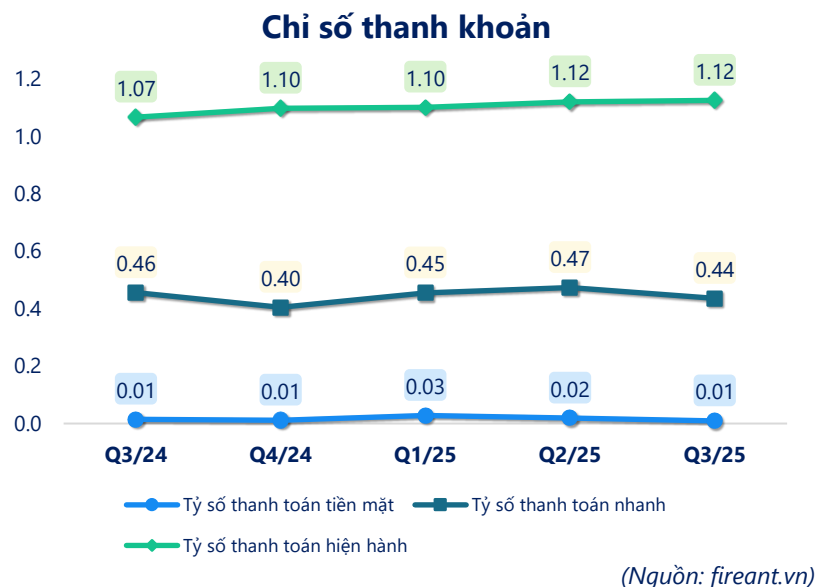
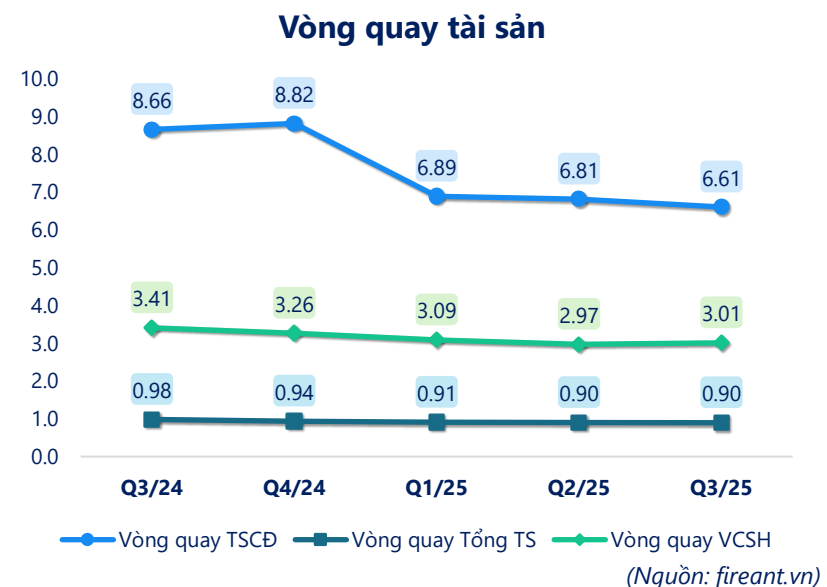
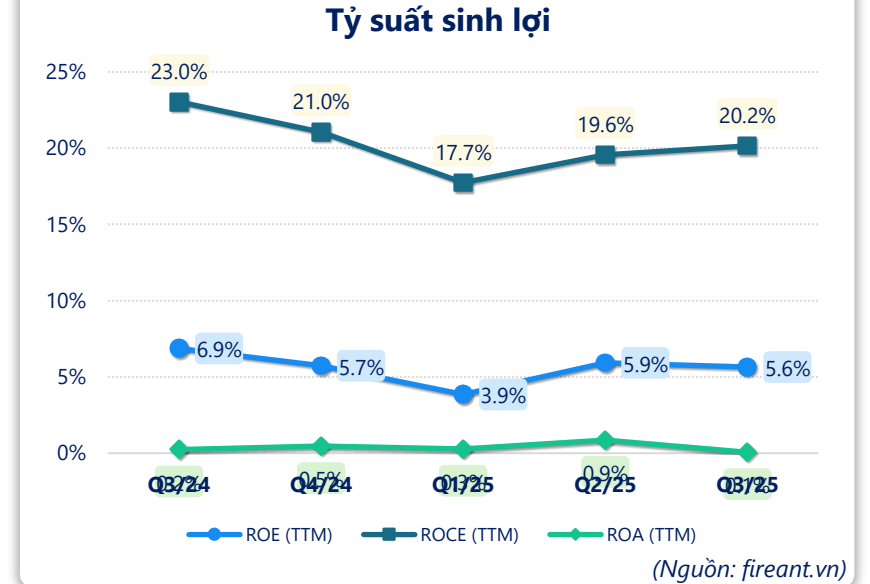
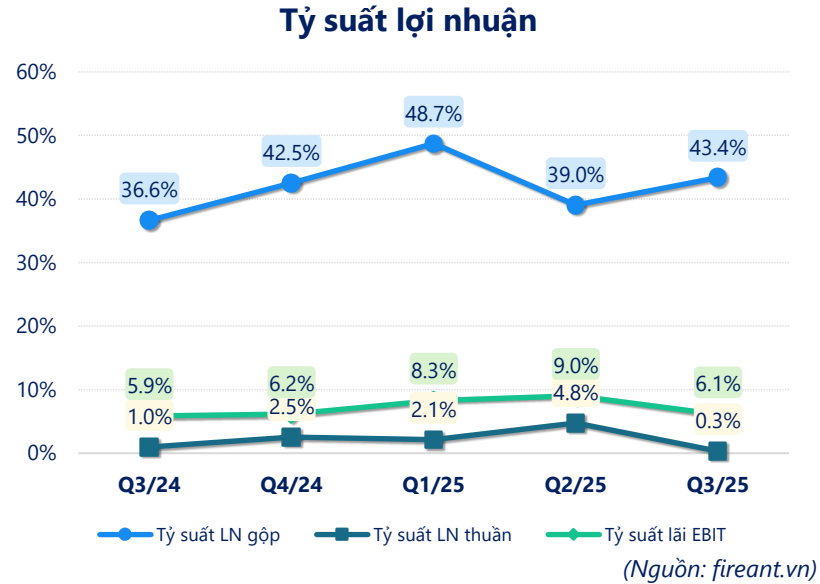
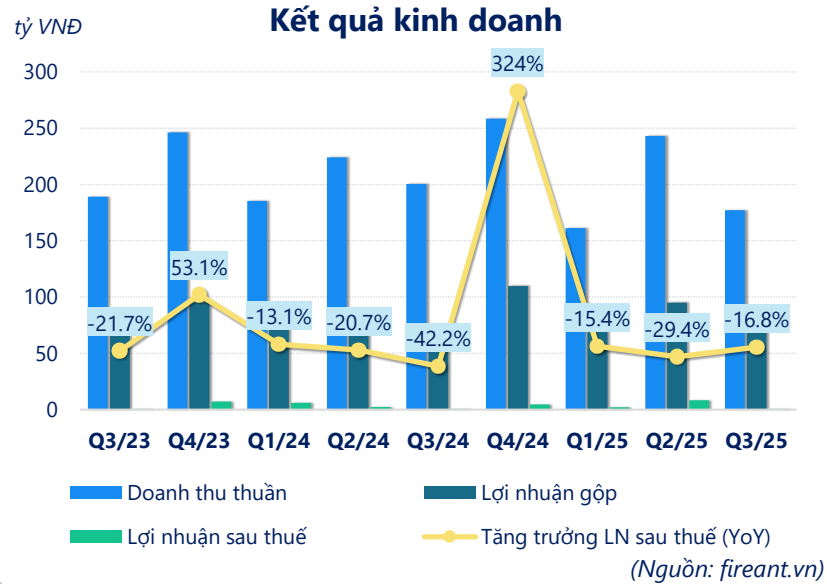


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,009
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,907
SL cổ phiếu LH		21,967,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)		18,355
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		252
P/E		16.0
EPS		717

	YTD	1T	3T	6T
DBT	0.4%	0.4%	0.0%	2.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	972	994	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	734	742	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	5.90	7.86	-25.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.9	67.4	5.2%
Phải thu ngắn hạn	199	193	3.2%
Hàng tồn kho	450	470	-4.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.02	3.91	105%
Tài sản dài hạn	238	251	-5.3%
Phải thu dài hạn	6.36	6.34	0.3%
Tài sản cố định	121	131	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.48	0.48	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	79.1	79.6	-0.6%
Lợi thế thương mại	31.3	34.4	-8.9%
Nợ phải trả	676	710	-4.7%
Nợ ngắn hạn	653	676	-3.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	566	516	9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	63.0	117	-46.2%
Nợ dài hạn	23.7	34.0	-30.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.3	29.2	-34.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	296	284	4.2%
Vốn chủ sở hữu	296	284	4.2%
Vốn điều lệ	220	205	7.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	201	258	161	243	177
Giá vốn hàng bán	127	148	82.7	148	100
Lợi nhuận gộp	73.5	110	78.6	94.9	76.7
Doanh thu HĐTC	2.57	1.56	1.27	3.44	0.94
Chi phí TC	9.74	10.1	10.6	14.4	7.68
Chi phí lãi vay	9.85	10.2	10.1	10.3	10.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	50.6	76.5	50.8	56.9	53.8
Chi phí QLDN	13.8	18.2	15.0	15.5	15.6
LN thuần từ HĐKD	1.97	6.58	3.44	11.6	0.58
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.77	-0.18	0.14	0.11
LN trước thuế	1.90	5.81	3.26	11.7	0.69
Lợi nhuận sau thuế	0.56	4.58	2.04	8.40	0.59
LNST của CĐ cty mẹ	2.03	4.26	2.66	8.26	0.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.72	6.10	-37.5	-3.16	-10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.4	-46.6	2.64	-8.87	15.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.30	39.3	45.6	5.87	-11.4
Tiền đầu kỳ	12.0	9.05	7.86	18.5	12.4
Lưu chuyển tiền thuần	-2.95	-1.19	10.7	-6.15	-6.49
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.01
Tiền cuối kỳ	9.05	7.86	18.5	12.4	5.90

(Nguồn: fireant.vn)